

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi/bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN/UBND cấp huyện/UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 962/TTr-STNMT ngày 4/11/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính sửa đổi thời gian từ “ngày làm việc” thành từ “ngày”; bãi bỏ 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN; UBND cấp huyện và UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Giao: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp xây dựng quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban, gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử sửa đổi trước ngày 24/11/2022.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI/BÃI BỎ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/ BAN QUẢN LÝ KKT NGHĨ SƠN VÀ CÁC KCN/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số:                   /QĐ-UBND ngày     / 11 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

**A. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHĨ SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ**

Sửa đổi thời gian từ “ngày làm việc” thành từ “ngày” đối với 09 thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới/bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi						
<b>I</b>	<b>Thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài Nguyên và Môi trường</b>											
1	Cấp giấy phép môi trường (1.010727.000.00.00.H56)	- 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh	Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 12, Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7, Cụ thể: <i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i>	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày	- Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”						
				<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm</th> <th>Đối tượng</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm 1</td> <td>Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải</td> <td>8.500.000</td> </tr> </tbody> </table>	Nhóm	Đối tượng	Mức thu	Nhóm 1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải	8.500.000		
Nhóm	Đối tượng	Mức thu										
Nhóm 1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải	8.500.000										

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	
		<p>môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>(2) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp</p>	<p>Hóa, tỉnh Thanh Hoá, - Địa chỉ: <a href="http://dichvuco.ng.thanhhoa.gov.vn">http://dichvuco.ng.thanhhoa.gov.vn</a> (mức độ 4)</p>		<p>có giấy phép môi trường</p> <p>Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</p>	<p>7.000.000</p>	<p>10/02/2022 của Bộ TN&amp;MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho</p>	
				Nhóm 2	<p>Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	<p>11.000.000</p>		
				Nhóm 3	<p>Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	<p>11.000.000</p>		
				Nhóm 4	<p>Dự án đầu tư/cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.</p>	<p>5.000.000</p>		
				<p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ</p>		<p>- Nếu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>				
2	Cấp lại giấy phép môi trường (1.010730.000.00.00.H56 )	+ 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại	Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 12, Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7, Cụ thể: 100% mức phí cấp lần đầu tương	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	- Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi		
		<p>hợp:</p> <p>(1) Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng</p> <p>(2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư.</p> <p>+ 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>(1) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến:  <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( mức 4)</p>	<p>ứng:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i></p>			<p>của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&amp;MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các</p>			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th data-bbox="949 363 1115 405">Nhóm</th> <th data-bbox="1115 363 1480 405">Đối tượng</th> <th data-bbox="1480 363 1637 405">Mức thu</th> </tr> </thead> </table>				Nhóm	Đối tượng	Mức thu				
Nhóm	Đối tượng	Mức thu								
Nhóm 1	<p>Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</p>	8.500.000								
Nhóm 1	<p>Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</p>	7.000.000								
Nhóm 2	<p>Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	11.000.000								
Nhóm 3	<p>Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	11.000.000								
Nhóm 4	<p>Dự án đầu tư/cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày</p>	5.000.000								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>)</p> <p>(2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt</p>		<p>10/01/2022 của Chính phủ.</p> <p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh. - Nếu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.</p>		<p>khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.</p>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>bảo vệ nghiêm ngặt hơn.</p> <p>+ <b>15</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp</li> </ul>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi									
		phép.													
3	Thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (1.010735.000.00.00.H56)	<b>45</b> ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá - Địa chỉ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (mức 4)	Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 16, Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 cụ thể: <i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Đối tượng</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 50 tỷ</td> <td>14.000.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ trở lên</td> <td>16.000.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Đối tượng	Mức thu	1	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 50 tỷ	14.000.000	2	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ trở lên	16.000.000	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày	- Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”
STT	Đối tượng	Mức thu													
1	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 50 tỷ	14.000.000													
2	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ trở lên	16.000.000													

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
					<p>13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh</p> <p>- Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo,</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi									
					phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.										
<b>II</b>	<b>Thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp</b>														
4	Cấp giấy phép môi trường (1.010727.000.00.00.H56)	- 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa tại Km 372 Quốc lộ 1A, phường Trục Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (đối với các dự án đầu tư thực hiện tại Khu	Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 12, Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 Cụ thể:  <i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i> <table border="1" data-bbox="954 922 1626 1409"> <thead> <tr> <th data-bbox="954 922 1070 962">Nhóm</th> <th data-bbox="1070 922 1451 962">Đối tượng</th> <th data-bbox="1451 922 1626 962">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="954 962 1070 1297">Nhóm 1</td> <td data-bbox="1070 962 1451 1297">Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</td> <td data-bbox="1451 962 1626 1297">8.500.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1297 1070 1409"></td> <td data-bbox="1070 1297 1451 1409">Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác</td> <td data-bbox="1451 1297 1626 1409">7.000.000</td> </tr> </tbody> </table>	Nhóm	Đối tượng	Mức thu	Nhóm 1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	8.500.000		Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác	7.000.000	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều	Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”
Nhóm	Đối tượng	Mức thu													
Nhóm 1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	8.500.000													
	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác	7.000.000													

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi			
		<p>đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>(2) Dự án đầu tư, cơ sở xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh</p>	<p>kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (mức độ 4)</p>		<p>động môi trường đồng thời không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</p>		<p>của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 về việc Ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa được</p>				
Nhóm 2	<p>Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	11.000.000	Nhóm 3	<p>Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	11.000.000	Nhóm 4		<p>Dự án đầu tư/cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.</p>	5.000.000		
<p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p>			<p>- Nếu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.</p>								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép</p>			<p>tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường, cấp đổi, điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.</p>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi						
		<p>môi trường 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>										
5	<p>Cấp lại giấy phép môi trường (1.010730.000.00.00.H56)</p>	<p>+ 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>(1) Giấy phép hết hạn gửi hồ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa tại Km 372</p>	<p>Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 12, Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 Cụ thể: 100% mức phí cấp lần đầu tương ứng</p> <p style="text-align: center;"><i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i></p> <table border="1" data-bbox="952 1289 1628 1428"> <thead> <tr> <th data-bbox="952 1289 1093 1326">Nhóm</th> <th data-bbox="1093 1289 1469 1326">Đối tượng</th> <th data-bbox="1469 1289 1628 1326">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="952 1326 1093 1428">Nhóm 1</td> <td data-bbox="1093 1326 1469 1428">Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi</td> <td data-bbox="1469 1326 1628 1428">8.500.000</td> </tr> </tbody> </table>	Nhóm	Đối tượng	Mức thu	Nhóm 1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi	8.500.000	<p>- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi</p>	<p>Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”</p>
Nhóm	Đối tượng	Mức thu										
Nhóm 1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi	8.500.000										

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng</p> <p>(2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư</p> <p>+ 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>(1) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô,</p>	<p>Quốc lộ 1A, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>(đối với các dự án đầu tư thực hiện tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh)</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (mức độ 4)</p>		<p>trường đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</p>		<p>trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&amp;MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	
Nhóm 2	<p>Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật BVMT năm 2020 thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường</p>	7.000.000						
Nhóm 3	<p>Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	11.000.000						
Nhóm 4	<p>Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p>	11.000.000						
Nhóm 4	<p>Dự án đầu tư/cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.</p>	5.000.000						
<p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>- Nếu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch</p>								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>)</p> <p>(2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải;</p>		<p>vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.</p>	<p>- Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 về việc Ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa được tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường, cấp đổi, điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn</p> <p>+ <b>15</b> ngày kể từ</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình</li> </ul>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>				
<b>III</b>	<b>Thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện</b>					
6	Cấp giấy phép	+ 15 (mười lăm)	- Bộ phận tiếp	Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 12, Nghị	- Luật bảo vệ môi	Thời gian: từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi												
	<p>môi trường (1.010723.000.00.00.H56)</p>	<p>ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất</p>	<p>nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (mức 4)</p>	<p>quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7, Cụ thể:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i></p> <table border="1" data-bbox="965 459 1615 1098"> <thead> <tr> <th data-bbox="965 459 1088 539">Nhóm</th> <th data-bbox="1088 459 1485 539">Đối tượng</th> <th data-bbox="1485 459 1615 539">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="965 539 1088 727">Nhóm 1</td> <td data-bbox="1088 539 1485 727">Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</td> <td data-bbox="1485 539 1615 727">6.000.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 727 1088 916">Nhóm 2</td> <td data-bbox="1088 727 1485 916">Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.</td> <td data-bbox="1485 727 1615 916">6.000.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 916 1088 1098">Nhóm 3</td> <td data-bbox="1088 916 1485 1098">Dự án đầu tư hoặc cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.</td> <td data-bbox="1485 916 1615 1098">4.000.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>- Nếu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị</p>	Nhóm	Đối tượng	Mức thu	Nhóm 1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	6.000.000	Nhóm 2	Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	6.000.000	Nhóm 3	Dự án đầu tư hoặc cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	4.000.000	<p>trường 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&amp;MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành</p>	<p>“ ngày làm việc” thành “ngày”</p>
Nhóm	Đối tượng	Mức thu																
Nhóm 1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	6.000.000																
Nhóm 2	Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	6.000.000																
Nhóm 3	Dự án đầu tư hoặc cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	4.000.000																

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>thải;            (2) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định</p>		<p>quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.</p>	<p>quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường <b>5</b> (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.				
7	Cấp đổi giấy phép môi trường (1.010724.000.00.00.H56)	<b>10</b> (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Nộp trực tuyến về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện, Địa chỉ: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (mức 4)	Phí thẩm định: Không quy định	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi						
					<p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>							
8	<p>Cấp lại giấy phép môi trường</p> <p>(1.010726.000.00.00.H56)</p>	<p>+ <b>20</b> (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>(1) Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện</p> <p>- Địa chỉ: <a href="http://dichvuco.ng.thanhhoa.gov.vn">http://dichvuco.ng.thanhhoa.gov.vn</a> (mức 4)</p>	<p>Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 12, Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 Cụ thể: 100% mức phí cấp lần đầu tương ứng</p> <p style="text-align: center;"><i>Đơn vị tính: đồng/Dự án</i></p> <table border="1" data-bbox="965 1249 1615 1425"> <thead> <tr> <th data-bbox="965 1249 1088 1337">Nhóm</th> <th data-bbox="1088 1249 1458 1337">Đối tượng</th> <th data-bbox="1458 1249 1615 1337">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="965 1337 1088 1425">Nhóm 1</td> <td data-bbox="1088 1337 1458 1425">Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực</td> <td data-bbox="1458 1337 1615 1425">6.000.000</td> </tr> </tbody> </table>	Nhóm	Đối tượng	Mức thu	Nhóm 1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực	6.000.000	<p>- Luật bảo vệ môi trường 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p>	<p>-Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”</p> <p>-Mã TTHC</p>
Nhóm	Đối tượng	Mức thu										
Nhóm 1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực	6.000.000										

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>môi trường trước khi hết hạn 06 tháng</p> <p>(2) Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô</p>			hiện đánh giá tác động môi trường thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.		<p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&amp;MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 289/ 2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	
Nhóm 2	Cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	6.000.000	Nhóm 3	Dự án đầu tư hoặc cơ sở quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	4.000.000			
<p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>- Nếu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.</p>								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		nhiệm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn + <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>đôi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);</p> <p>+ <b>15</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch</li> </ul>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		<p>vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
		quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.				
<b>IV</b>	<b>Thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>					
9	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (1.010736.000.00.00.H56)	<p>+ Tối đa <b>15</b> (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ tham vấn theo quy định.</p> <p>+ Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (mức 4)</p>	Không quy định	<p>- Luật bảo vệ môi trường 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&amp;MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	-Thời gian: từ “ ngày làm việc” thành “ngày”



**B. DANH MỤC TTHC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

-Bãi bỏ 02 TTHC lĩnh vực Môi trường tại Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 về việc công bố TTHC chuẩn hóa trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

-Bãi bỏ 01 TTHC lĩnh vực Môi trường tại Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai, Môi trường, Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

STT	Số hồ sơ TTHC trên cơ sở dữ liệu Quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		
1	1.004246.000.00.00.H56	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020
2	1.004621.000.00.00.H56	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý KKT Nghi Sơn và Các khu công nghiệp</b>		
3	1.002156.000.00.00.H56	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020